DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ TỔNG ĐIỀU TRA

NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN 2016

(Cơ sở dữ liệu)

I. Thông tin chung về hộ điều tra

01. Số hộ điều tra phân theo khu vực thành thị-nông thôn, loại hộ và địa phương
02. Số hộ điều tra phân theo khu vực thành thị-nông thôn, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất của chủ hộ, nhóm tuổi của chủ hộ và địa phương
03. Đồ dùng chủ yếu bình quân 1 hộ điều tra chia theo Tỉnh, Thành phố
04. Tổng số hộ điều tra năm 2011-2016 phân theo loại hộ và địa phương
05. Số hộ điều tra khu vực thành thị năm 2011-2016 phân theo loại hộ và địa phương
06. Số hộ điều tra khu vực nông thôn năm 2011-2016 phân theo loại hộ và địa phương
07. Tổng số hộ điều tra phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất của chủ hộ, nhóm tuổi của chủ hộ và địa phương
08. Số hộ điều tra khu vực thành thị phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất của chủ hộ, nhóm tuổi của chủ hộ và địa phương
09. Số hộ điều tra khu vực nông thôn phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất của chủ hộ, nhóm tuổi của chủ hộ và địa phương
10. Tổng số hộ điều tra phân theo nguồn thu nhập lớn nhất của hộ và địa phương
11. Số hộ điều tra khu vực thành thị phân theo nguồn thu nhập lớn nhất của hộ và địa phương
12. Số hộ điều tra khu vực nông thôn phân theo nguồn thu nhập lớn nhất của hộ và địa phương
13. Đồ dùng chủ yếu bình quân 100 hộ điều tra chia theo Tỉnh, Thành phố

II. Thông tin về hộ nông thôn

II.1. Những chuyển biến cơ bản của hộ nông thôn 2006, 2011, 2016

01. Những chuyển biến cơ bản nông thôn thời kỳ 2006 - 2016

01. Chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn 2006 - 2011 - 2016

01. Chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn 2006 - 2011 - 2016
02. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn 2006 - 2011 - 2016
03. Số lượng và cơ cấu hộ ở khu vực nông thôn phân theo vùng qua 3 kỳ tổng điều tra 2006 - 2011 - 2016
04. Số máy móc, thiết bị chủ yếu phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ 2006 - 2011 - 2016
05. Lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động 2011 - 2016
06. Lao động thủy sản trong độ tuổi lao động 2011 - 2016
07. Lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động 2011 - 2016
08. Lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động 2011 - 2016

II.2. Một số thông tin cơ bản về nông thôn

02. Một số thông tin cơ bản về nông thôn

01. Những thay đổi về tình hình cơ bản kết cấu hạ tầng của xã

01. Những thay đổi về tình hình cơ bản kết cấu hạ tầng của xã
02. Một số chỉ tiêu cơ bản về nông thôn theo loại xã
03. Số xã, số thôn, số hộ nông thôn phân theo địa phương
04. Số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo phân theo địa phương
05. Số nhân khẩu nông thôn tham gia bảo hiểm y tế

II.3. Điện, đường giao thông nông thôn

03. Điện, đường giao thông nông thôn

01. Tình hình điện, đường giao thông nông thôn phân theo loại xã

01. Tình hình điện, đường giao thông nông thôn phân theo loại xã
02. Số lượng và tỷ lệ xã có đường giao thông từ trụ sở UBND huyện đến trụ sở UBND xã
03. Số lượng và tỷ lệ xã có đường trục xã phân theo mức độ nhựa, bê tông hóa và phân theo địa phương
04. Số lượng và tỷ lệ xã có đường trục thôn phân theo mức độ nhựa, bê tông hóa và phân theo địa phương
05. Số lượng và tỷ lệ xã có đường ngõ xóm phân theo mức độ nhựa, bê tông hóa và phân theo địa phương
06. Số thôn và tỷ lệ thôn có đường ô tô đi đến được, số thôn người dân đi lại chủ yếu bằng phương tiện thủy phân theo địa phương

II.4. Hệ thống trường học, giáo dục mầm non

04. Hệ thống trường học, giáo dục mầm non

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về hệ thống giáo dục mẫu giáo, mầm non và phổ thông phân theo loại xã

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về hệ thống giáo dục mẫu giáo, mầm non và phổ thông phân theo loại xã
02. Số lượng và tỉ lệ xã có trường mẫu giáo, mầm non, số lượng và tỉ lệ trường mẫu giáo, mầm non phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
03. Số lượng, tỷ lệ xã có trường tiểu học, Số lượng, tỷ lệ trường tiểu học phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
04. Số lượng và tỷ lệ xã có trường trung học cơ sở, Số lượng và tỷ lệ trường trung học cơ sở phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
05. Số lượng và tỷ lệ trường mẫu giáo, mầm non phân theo nguồn nước ăn uống chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
06. Số lượng và tỷ lệ trường tiểu học phân theo nguồn nước ăn uống chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
07. Số lượng và tỷ lệ trường trung học cơ sở phân theo nguồn nước ăn uống chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
08. Số lượng và tỷ lệ trường trung học phổ thông phân theo nguồn nước ăn uống chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
09. Số lượng và tỷ lệ trường mẫu giáo, mầm non phân theo loại hố xí/nhà tiêu chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
10. Số lượng và tỷ lệ trường tiểu học phân theo loại hố xí/nhà tiêu chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
11. Số lượng và tỷ lệ trường trung học cơ sở phân theo loại hố xí/nhà tiêu chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
12. Số lượng và tỷ lệ xã có trường trung họcphổ thông phân theo loại hố xí/nhà tiêu chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương
13. Số trường đạt chuẩn quốc gia phân theo loại trường học và phân theo địa phương
14. Số lượng và tỉ lệ xã có điểm trường mẫu giáo, mầm non, số lượng và tỉ lệ trường mẫu giáo, mầm non phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
15. Số lượng, tỷ lệ xã có điểm trường tiểu học, Số lượng, tỷ lệ điểm trường tiểu học phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
16. Số lượng và tỷ lệ xã có điểm trường trung học cơ sở, Số lượng và tỷ lệ điểm trường trung học cơ sở phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
17. Số lượng và tỷ lệ điểm trường mẫu giáo, mầm non phân theo nguồn nước ăn, uống chủ yếu và phân theo địa phương
18. Số lượng và tỷ lệ điểm trường tiểu học phân theo nguồn nước ăn, uống chủ yếu và phân theo địa phương
19. Số lượng và tỷ lệ điểm trường trung học cơ sởphân theo nguồn nước ăn, uống chủ yếu và phân theo địa phương
20. Số lượng và tỷ lệ điểm trường mẫu giáo, mầm non phân theo loại hố xí/nhà tiêu chủ yếu đang được sử dụng và phân theo địa phương

II.5. Bưu điện, nhà văn hóa, thư viện, thông tin liên lạc ở nông thôn

05. Bưu điện, nhà văn hóa, thư viện, thông tin liên lạc ở nông thôn

01. Hệ thống bưu điện, nhà văn hóa, thư viện, thông tin liên lạc phân theo loại xã

01. Hệ thống bưu điện, nhà văn hóa, thư viện, thông tin liên lạc phân theo loại xã
02. Số lượng và tỷ lệ xã có trạm bưu điện, điểm bưu điện văn hóa phân theo địa phương
03. Số lượng và tỷ lệ xã, thôn có điểm kinh doanh dịch vụ Internet tư nhân phân theo địa phương
04. Số lượng và tỷ lệ xã, thôn có nhà văn hóa phân theo địa phương
05. Số lượng và tỷ lệ xã, thôn có sân thể thao/khu thể thao phân theo địa phương
06. Số lượng và tỷ lệ xã, thôn có thư viện, tủ sách pháp luật phân theo địa phương
07. Hệ thống loa truyền thanh xã, thôn

II.6. Hệ thống y tế, môi trường sống ở nông thôn

06. Hệ thống y tế, môi trường sống ở nông thôn

01. Hệ thống y tế phân theo loại xã

01. Hệ thống y tế phân theo loại xã
02. Trạm y tế xã phân theo mức độ xây dựng và phân theo địa phương
03. Trạm y tế xã phân theo nguồn nước ăn, uống, sinh hoạt chủ yếu và phân theo địa phương
04. Trạm y tế xã phân theo hình thức xử lý nước thải, rác thải chủ yếu và phân theo địa phương
05. Trạm y tế xã phân theo loại hố xí/nhà tiêu chủ yếu và phân theo địa phương
06. Số lượng nhân viên của trạm y tế xã phân theo trình độ và địa phương
07. Mạng lưới y tế ở nông thôn phân theo địa phương
08. Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, số lượt người khám chữa bệnh tại trạm y tế xã
09. Vệ sinh môi trường ở nông thôn phân theo loại xã
10. Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở nông thôn phân theo địa phương
11. Hệ thống thoát nước thải ở nông thôn phân theo địa phương
12. Hệ thống thu gom rác thải ở nông thôn phân theo địa phương
13. Thu gom và xử lý chai lọ, bao bì, thuốc BVTV ở nông thôn phân theo địa phương

II.7. Chợ, ngân hàng và quỹ tín dụng ở nông thôn

07. Chợ, Ngân hàng, Quỹ tín dụng ở nông thôn

01. Hệ thống chợ, ngân hàng, tín dụng phân theo loại xã

01. Hệ thống chợ, ngân hàng, tín dụng phân theo loại xã
02. Số lượng và tỷ lệ xã, thôn có chợ phân theo loại chợ và địa phương
03. Số lượng và tỷ lệ xã có chợ phân theo mức độ xây dựng và địa phương
04. Số lượng và tỷ lệ xã có điểm/cửa hàng cung cấp giống, vật tư và thu mua sản phẩm NLTS phân theo địa phương
05. Số lượng cơ sở cung cấp giống, vật tư và thu mua sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn nông thôn phân theo địa phương
06. Số lượng và tỷ lệ xã có ngân hàng, ngân hàng HTX trên địa bàn nông thôn phân theo địa phương

II.8. Hệ thống thủy lợi, khuyến nông, khuyến ngư, thú y ở nông thôn

08. Hệ thống thủy lợi, khuyến nông, khuyến ngư, thú y ở nông thôn

01. Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu phân theo loại xã

01. Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu phân theo loại xã
02. Hệ thống thủy lợi phân theo địa phương
03. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho cây lúa trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016)
04. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho cây lúa hè thu 2015
05. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho cây lúa thu đông 2015
06. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho cây lúa mùa 2015
07. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho cây lúa đông xuân 2016
08. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho cây hàng năm trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016)
09. Cơ giới hóa, tưới tiêu cho diện tích nuôi trồng thủy sản trong 12 tháng qua
10. Hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y phân theo loại xã
11. Mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư ở nông thôn phân theo địa phương

II.9. Sử dụng đất nông nghiệp, nhà kính, nhà lưới

09. Sử dụng đất nông nghiệp, nhà kính, nhà lưới

01. Sử dụng đất nông nghiệp phân theo loại xã

01. Sử dụng đất nông nghiệp phân theo loại xã
02. Kết quả thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa phân theo địa phương
03. Diện tích đất không sản xuất trong 12 tháng qua phân theo địa phương
04. Diện tích đất lúa không sản xuất trong 12 tháng qua phân theo nguyên nhân chủ yếu và theo địa phương
05. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không sản xuất trong 12 tháng qua phân theo nguyên nhân chủ yếu và địa phương
06. Diện tích đất trồng cây lâu năm không sản xuất trong 12 tháng qua phân theo nguyên nhân chủ yếu và địa phương
07. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không sản xuất trong 12 tháng qua phân theo nguyên nhân chủ yếu và địa phương
08. Diện tích đất muối không sản xuất trong 12 tháng qua phân theo nguyên nhân chủ yếu và địa phương
09. Diện tích đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản sử dụng nhà kính, nhà lưới trong 12 tháng qua phân theo địa phương
10. Diện tích trồng rau sử dụng nhà kính, nhà lưới trong 12 tháng qua phân theo loại hình kinh tế và địa phương
11. Diện tích trồng hoa sử dụng nhà kính, nhà lưới trong 12 tháng qua phân theo loại hình kinh tế và địa phương
12. Diện tích giống cây trồng sử dụng nhà kính, nhà lưới trong 12 tháng qua phân theo loại hình kinh tế và địa phương
13. Diện tích nuôi trồng thủy sản sử dụng nhà kính, nhà lưới trong 12 tháng qua phân theo loại hình kinh tế và địa phương
14. Mạng lưới thú y ở nông thôn phân theo địa phương

II.10. Làng nghề, cơ sở chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản ở nông thôn

10. Làng nghề, cơ sở chế biến sản phẩm Nông lâm thủy sản ở nông thôn

01. Kinh tế tập thể, làng nghề ở nông thôn phân theo loại xã

01. Kinh tế tập thể, làng nghề ở nông thôn phân theo loại xã
02. Số lượng và tỷ lệ xã có hợp tác xã trên địa bàn phân theo địa phương
03. Số lượng và tỷ lệ xã có tổ hợp tác trên địa bàn phân theo địa phương
04. Làng nghề ở nông thôn phân theo địa phương
05. Môi trường làng nghề ở nông thôn phân theo địa phương
06. Làng nghề phân theo mã ngành hoạt động và phân theo địa phương năm 2011
07. Làng nghề phân theo mã ngành hoạt động và phân theo địa phương năm 2016
08. Cơ sở/doanh nghiệp chuyên chế biến nông sản/lâm sản/thủy sản/làm muối phân theo loại xã
09. Cơ sở chuyên chế biến nông sản/lâm sản/thủy sản/muối ở nông thôn phân theo địa phương
10. Số lượng và tỷ lệ xã có doanh nghiệp chế biến NLTS trên địa bàn phân theo địa phương

II.11. Kết quả thực hiện một số chính sách xã hội ở nông thôn

11. Kết quả thực hiện một số chính sách xã hội ở nông thôn

01. Kết quả thực hiện một số chính sách xã hội ở nông thôn phân theo loại xã

01. Kết quả thực hiện một số chính sách xã hội ở nông thôn phân theo loại xã
02. Kết quả một số chính sách trên địa bàn nông thôn phân theo địa phương
03. Số lượt người ở nông thôn được tham dự các lớp tập huấn theo ngành và phân theo địa phương
04. Đào tạo nghề theo các chương trình, dự án phân theo thời gian đào tạo và địa phương
05. Đào tạo nghề theo các chương trình, dự án phân theo đối tượng và địa phương

II.12. Điều kiện làm việc; cán bộ xã; hệ thống tổ chức chính trị, xã hội của xã

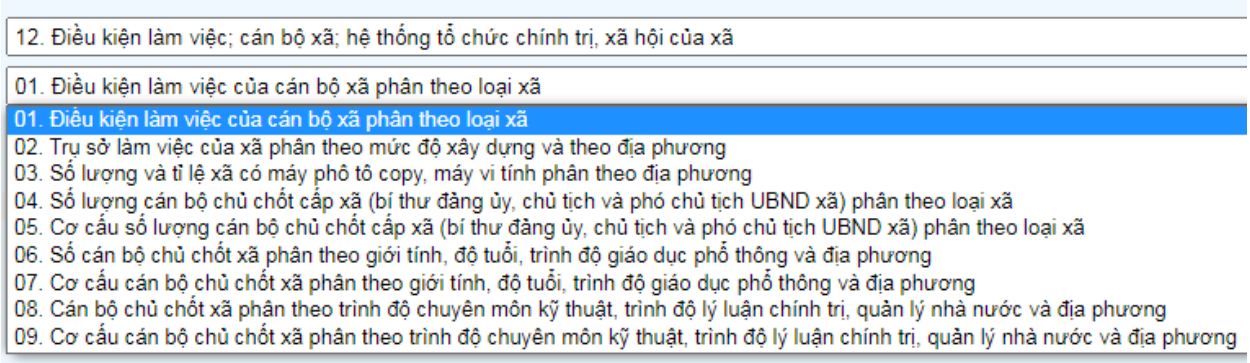

II.13. Kết quả xây dựng nông thôn mới

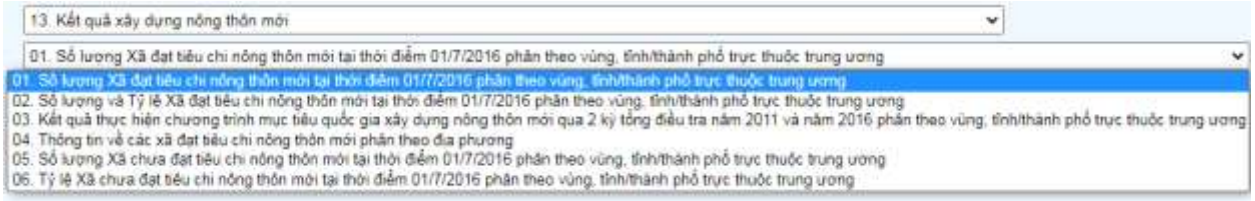

II.14. Hộ nông thôn

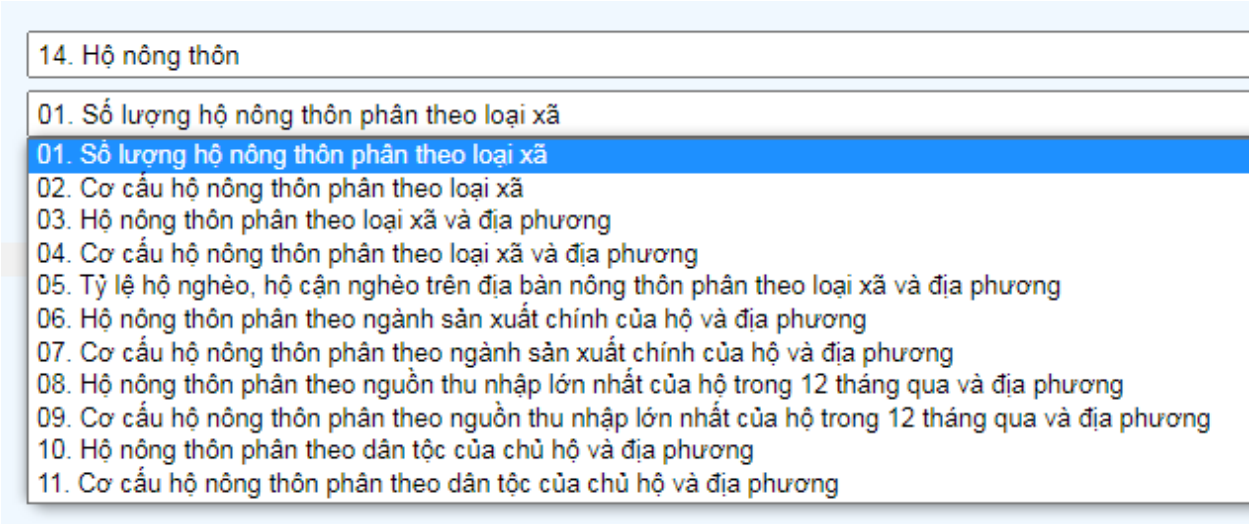

II.15. Nhân khẩu, LĐ nông thôn

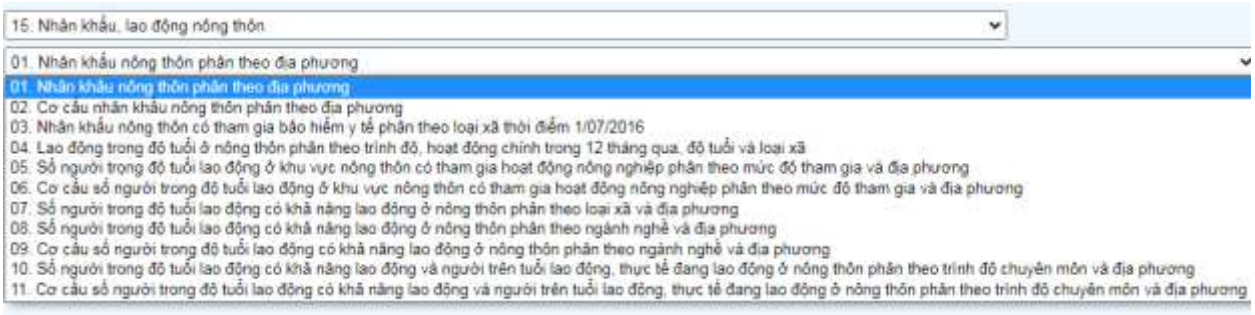

II.16. Môi trường sống và đồ dùng chủ yếu của hộ nông thôn

16. Môi trường sống và đồ dùng chủ yếu của hộ nông thôn

01. Điều kiện sống và đồ dùng chủ yếu của hộ nông thôn chia theo địa phương
01. Điều kiện sống và đồ dùng chủ yếu của hộ nông thôn chia theo địa phương
02. Tỷ lệ hộ nông thôn chia theo điều kiện sống và đồ dùng chủ yếu và theo địa phương

III. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

III.1. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

III.1.1 Thông tin các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản qua 3 kỳ TĐT 2006-2016

01. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

01. Thông tin các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản qua 3 kỳ TĐT 2006 - 2016

01. Số lượng và cơ cấu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản qua 3 kỳ tổng điều tra 2006 - 2011 - 2016 phân theo vùng
01. Số lượng và cơ cấu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản qua 3 kỳ tổng điều tra 2006 - 2011 - 2016 phân theo vùng
02. Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động 2006 - 2011 - 2016

III.1.2. Đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

01. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

02. Đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

01. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô lao động, loại hình và ngành
01. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô lao động, loại hình và ngành
02. Diện tích đất nông, lâm nghiệp và thủy sản chia theo đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản
03. Diện tích đất nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân một đơn vị chia theo đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản
04. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô diện tích đất nông, lâm nghiệp và thủy sản đang sử dụng, loại hình và ngành
05. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng, loại hình và ngành
06. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô chăn nuôi lợn, loại hình và ngành
07. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô chăn nuôi gà, loại hình và ngành
08. Số máy móc thiết bị chủ yếu của các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình và ngành
09. Số máy móc thiết bị chủ yếu của các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân 100 đơn vị phân theo loại hình và ngành
10. Số tàu, thuyền đánh bắt thủy sản có động cơ của các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình, ngành và công suất
11. Cơ cấu số tàu, thuyền đánh bắt thủy sản có động cơ của các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình, ngành và công suất
12. Số tàu, thuyền đánh bắt thủy sản có động cơ của các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình, ngành và phạm vi khai thác
13. Số tàu, thuyền đánh bắt thủy sản có động cơ của các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình, ngành và nghề khai thác chính
14. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo qui mô lao động
15. Số đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản có máy vi tính

III.1.3. Đơn vị nông nghiệp

01. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

03. Đơn vị nông nghiệp

01. Số đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)
01. Số đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)
02. Số lao động trong các đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)
03. Số lao động bình quân một đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)
04. Qui mô đất nông nghiệp đang sử dụng bình quân một đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương
05. Qui mô đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng bình quân một đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương
06. Qui mô đất trồng cây hàng năm đang sử dụng bình quân một đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương
07. Qui mô đất trồng cây lâu năm đang sử dụng bình quân một đơn vị nông nghiệp phân theo địa phương
08. Số đơn vị nông nghiệp phân theo qui mô diện tích đất trồng cây hàng năm đang sử dụng và loại hình
09. Số đơn vị nông nghiệp phân theo qui mô diện tích đất trồng cây lâu năm đang sử dụng và loại hình
10. Số đơn vị lâm nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)

III.1.4. Đơn vị lâm nghiệp

01. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

04. Đơn vị lâm nghiệp

01. Số lao động trong các đơn vị lâm nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)

01. Số lao động trong các đơn vị lâm nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)
02. Số lao động bình quân một đơn vị lâm nghiệp phân theo địa phương (01/7/2016)
03. Qui mô đất lâm nghiệp đang sử dụng bình quân một đơn vị lâm nghiệp phân theo địa phương
04. Số đơn vị lâm nghiệp phân theo qui mô diện tích đất lâm nghiệp đang sử dụng và loại hình
05. Số đơn vị thủy sản phân theo địa phương (01/7/2016)

III.1.5. Đơn vị thủy sản

01. Thông tin từ các đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản

05. Đơn vị thủy sản

01. Số lao động trong các đơn vị thủy sản phân theo địa phương (01/7/2016)

01. Số lao động trong các đơn vị thủy sản phân theo địa phương (01/7/2016)
02. Số lao động bình quân một đơn vị thủy sản phân theo địa phương (01/7/2016)
03. Qui mô đất nuôi trồng thủy sản đang sử dụng bình quân một đơn vị thủy sản phân theo địa phương
04. Số đơn vị thủy sản phân theo qui mô diện tích đất nuôi trồng thủy sản đang sử dụng và loại hình

III.2. Thông tin từ hộ

III.2.1. Quy mô sử dụng đất nông nghiệp

02. Thông tin từ hộ

01. Quy mô sử dụng đất nông nghiệp

01. Hộ có sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương

01. Hộ có sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương
02. Cơ cấu hộ có sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương
03. Hộ có sử dụng đất trồng cây hàng năm phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương
04. Cơ cấu hộ có sử dụng đất trồng cây hàng năm phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương
05. Hộ có sử dụng đất trồng lúa phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương
06. Cơ cấu hộ có sử dụng đất trồng lúa phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương
07. Số lượng và tỷ lệ hộ trồng lúa
08. Hộ có sử dụng đất trồng cây lâu năm phân theo qui mô hộ có sử dụng và theo địa phương
09. Cơ cấu hộ có sử dụng đất trồng cây lâu năm phân theo qui mô và theo địa phương
10. Số lượng và tỷ lệ hộ trồng một số cây lâu năm chủ yếu
11. Đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng bình quân 1 hộ có sử dụng phân theo địa phương
12. Diện tích trồng chè của hộ phân theo địa phương
13. Số hộ trồng chè phân theo quy mô diện tích chè hiện có của hộ và phân theo địa phương
14. Cơ cấu hộ trồng chè phân theo quy mô diện tích chè hiện có và theo địa phương
15. Diện tích trồng cà phê của hộ phân theo địa phương
16. Số hộ trồng cà phê theo qui mô diện tích cà phê hiện có của hộ và phân theo địa phương
17. Cơ cấu hộ trồng cà phê phân theo qui mô cà phê hiện có và phân theo địa phương
18. Diện tích trồng cao su của hộ phân theo địa phương
19. Số hộ trồng cao su phân theo quy mô diện tích cao su hiện có của hộ và phân theo địa phương
20. Cơ cấu số hộ trồng cao su phân theo qui mô diện tích cao su hiện có và phân theo địa phương

21. Diện tích trồng điều/đào lộn hột của hộ phân theo địa phương
22. Số hộ trồng điều/đào lộn hột phân theo qui mô diện tích điều hiện có của hộ và phân theo địa phương (01/07/2006)
23. Cơ cấu hộ trồng điều/đào lộn hột phân theo qui mô diện tích điều kiện hiện có của hộ và phân theo địa phương
24. Diện tích trồng hồ tiêu của hộ phân theo địa phương
25. Số hộ trồng hồ tiêu phân theo qui mô diện tích tiêu hiện có của hộ và phân theo địa phương
26. Cơ cấu hộ trồng hồ tiêu phân theo qui mô diện tích tiêu hiện có của hộ và phân theo địa phương
27. Diện tích trồng dừa của hộ phân theo địa phương
28. Số hộ trồng dừa phân theo qui mô diện tích dừa hiện có của hộ và phân theo địa phương
29. Cơ cấu hộ trồng dừa phân theo qui mô diện tích dừa hiện có của hộ và phân theo địa phương
30. Diện tích trồng cam, quýt của hộ phân theo địa phương
31. Số hộ trồng cam, quýt phân theo qui mô diện tích cam, quýt hiện có của hộ và phân theo địa phương
32. Cơ cấu hộ trồng cam, quýt phân theo qui mô diện tích cam, quýt hiện có của hộ và phân theo địa phương
33. Diện tích trồng xoài của hộ phân theo địa phương
34. Số hộ trồng xoài phân theo qui mô diện tích xoài hiện có của hộ và phân theo địa phương
35. Cơ cấu hộ trồng xoài phân theo qui mô diện tích xoài hiện có của hộ và phân theo địa phương
36. Diện tích trồng nhãn của hộ phân theo địa phương
37. Số hộ trồng nhãn phân theo qui mô diện tích nhãn hiện có của hộ và phân theo địa phương
38. Cơ cấu hộ trồng nhãn phân theo qui mô diện tích nhãn hiện có của hộ và phân theo địa phương
39. Diện tích trồng chuối của hộ phân theo địa phương
40. Số hộ trồng chuối phân theo qui mô diện tích chuối hiện có của hộ và phân theo địa phương

III.2.2. Quy mô chăn nuôi

02. Thông tin từ hộ

02. Quy mô chăn nuôi

01. Số lượng và tỷ lệ hộ có chăn nuôi

01. Số lượng và tỷ lệ hộ có chăn nuôi
02. Số hộ nuôi trâu phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
03. Cơ cấu hộ nuôi trâu phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
04. Số hộ nuôi bò phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
05. Cơ cấu hộ nuôi bò phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
06. Số hộ nuôi bò sữa phân theo qui mô nuôi và phân theo địa phương
07. Số hộ nuôi lợn phân theo qui mô nuôi và phân theo địa phương
08. Cơ cấu hộ nuôi lợn phân theo qui mô nuôi và phân theo địa phương
09. Số hộ nuôi lợn nái phân theo qui mô nuôi và phân theo địa phương
10. Số hộ nuôi lợn thịt phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
11. Cơ cấu hộ nuôi lợn thịt phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
12. Số hộ nuôi gà phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
13. Cơ cấu hộ nuôi gà phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
14. Số hộ nuôi vịt, ngan, ngỗng phân theo qui mô nuôi và theo địa phương
15. Cơ cấu hộ nuôi vịt, ngan, ngỗng phân theo qui mô nuôi và theo địa phương

III.2.3. Quy mô sử dụng đất lâm nghiệp

02. Thông tin từ hộ

03. Quy mô sử dụng đất lâm nghiệp

01. Hộ có sử dụng đất lâm nghiệp phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương

01. Hộ có sử dụng đất lâm nghiệp phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương
02. Cơ cấu hộ có sử dụng đất lâm nghiệp phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương
03. Hộ có sử dụng đất rừng trồng phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương
04. Cơ cấu hộ có sử dụng đất rừng trồng phân theo quy mô sử dụng và phân theo địa phương

III.2.4. Quy mô sản xuất thủy sản

02. Thông tin từ hộ

04. Quy mô sản xuất thủy sản

01. Hộ có sử dụng đất nuôi trồng thủy sản phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương

01. Hộ có sử dụng đất nuôi trồng thủy sản phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương
02. Cơ cấu hộ có sử dụng đất nuôi trồng thủy sản phân theo qui mô sử dụng và phân theo địa phương
03. Số hộ có nuôi trồng thủy sản phân theo loại thủy sản và phân theo địa phương
04. Số hộ có nuôi cá phân theo quy mô và phân theo địa phương
05. Cơ cấu hộ có nuôi cá phân theo quy mô và phân theo địa phương
06. Số lượng và tỷ lệ hộ nuôi cá
07. Số hộ có nuôi cá nước ngọt phân theo qui mô và theo địa phương
08. Cơ cấu hộ có nuôi cá nước ngọt phân theo qui mô và theo địa phương
09. Số hộ có nuôi cá thâm canh, bán thâm canh phân theo qui mô và phân theo địa phương
10. Cơ cấu hộ có nuôi cá thâm canh, bán thâm canh phân theo qui mô và phân theo địa phương
11. Số hộ nuôi tôm phân theo quy mô và phân theo địa phương
12. Cơ cấu hộ nuôi tôm phân theo quy mô và phân theo địa phương
13. Số lượng và tỷ lệ hộ nuôi tôm
14. Số hộ có nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh phân theo qui mô và phân theo địa phương
15. Cơ cấu hộ có nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh phân theo qui mô và phân theo địa phương
16. Số hộ có nuôi thủy sản lồng, bè theo địa phương
17. Số hộ có nuôi thủy sản bể bồn phân theo địa phương
18. Số hộ có tàu, thuyền đánh bắt thủy sản phân theo địa phương

III.2.5. Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản

02. Thông tin từ hộ

05. Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản

01. Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo nhóm tuổi và địa phương

01. Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo nhóm tuổi và địa phương
02. Cơ cấu lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo nhóm tuổi và địa phương
03. Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và địa phương

III.2.6. Lao động nông nghiệp

02. Thông tin từ hộ

06. Lao động nông nghiệp

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động nông nghiệp

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động nông nghiệp
02. Số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động nông nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
03. Cơ cấu số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động nông nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
04. Lao động nông nghiệp trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
05. Cơ cấu lao động nông nghiệp trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
06. Lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
07. Cơ cấu lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
08. Lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
09. Cơ cấu lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
10. Lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn
11. Cơ cấu lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn kỹ thuật
12. Lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
13. Cơ cấu lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
14. Lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo độ tuổi

III.2.7. Lao động lâm nghiệp

02. Thông tin từ hộ

07. Lao động lâm nghiệp

01. Số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động lâm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương

01. Số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động lâm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
02. Cơ cấu số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động lâm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
03. Lao động lâm nghiệp trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
04. Cơ cấu lao động lâm nghiệp trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
05. Lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
06. Cơ cấu lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
07. Lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
08. Cơ cấu lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
09. Lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn
10. Cơ cấu lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn
11. Lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
12. Cơ cấu lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
13. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động lâm nghiệp
14. Lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo độ tuổi

III.2.8. Lao động thủy sản

02. Thông tin từ hộ

08. Lao động thủy sản

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động thủy sản

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động thủy sản
02. Số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động thủy sản phân theo mức độ tham gia và địa phương
03. Cơ cấu số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động thủy sản phân theo mức độ tham gia và địa phương
04. Lao động thủy sản trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
05. Cơ cấu lao động thủy sản trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
06. Lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
07. Cơ cấu lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
08. Lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
09. Cơ cấu lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
10. Lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn
11. Lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
12. Cơ cấu lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
13. Lao động thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo độ tuổi
14. Lao động của tàu thuyền khai thác thủy sản có động cơ phân theo nghề khai thác chính và địa phương
15. Lao động bình quân của tàu thuyền khai thác thủy sản có động cơ phân theo nghề khai thác chính và địa phương

III.2.9. Lao động diêm nghiệp

02. Thông tin từ hộ

09. Lao động diêm nghiệp

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động diêm nghiệp

01. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động diêm nghiệp
02. Số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động diêm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
03. Cơ cấu số người trong độ tuổi lao động có tham gia hoạt động diêm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
04. Lao động diêm nghiệp trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
05. Cơ cấu lao động diêm nghiệp trong và trên độ tuổi lao động phân theo giới tính và phân theo địa phương
06. Lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
07. Cơ cấu lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và phân theo địa phương
08. Lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
09. Cơ cấu lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo địa phương
10. Lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn
11. Cơ cấu lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo tính chất hoạt động và trình độ chuyên môn
12. Cơ cấu lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo hình thức làm việc và phân theo địa phương
13. Lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo độ tuổi

III.2.10. Hộ nông nghiệp

02. Thông tin từ hộ

10. Hộ nông nghiệp

01. Số hộ nông nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất nông nghiệp của hộ

01. Số hộ nông nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất nông nghiệp của hộ
02. Cơ cấu hộ nông nghiệp phân theo hoạt động sản dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất nông nghiệp của hộ
03. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động của hộ nông nghiệp
04. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động và số người trên độ tuổi lao động thực tế có tham gia lao động của hộ nông nghiệp phân theo giới tính và địa phương
05. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và địa phương
06. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016) và phân theo địa phương
07. Cơ cấu những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016) và phân theo địa phương
08. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua và phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật
09. Cơ cấu những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua và phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật
10. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp thực tế có hoạt động trong 12 tháng qua phân theo hình thức làm việc và địa phương
11. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ nông nghiệp có tham gia hoạt động nông nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
12. Hộ nông nghiệp phân theo qui mô đất sản xuất nông nghiệp hộ có sử dụng và phân theo địa phương
13. Cơ cấu hộ nông nghiệp phân theo qui mô đất sản xuất nông nghiệp hộ có sử dụng và phân theo địa phương
14. Hộ nông nghiệp phân theo qui mô đất trồng cây hàng năm hộ có sử dụng và phân theo địa phương
15. Cơ cấu hộ nông nghiệp phân theo qui mô đất trồng cây hàng năm hộ có sử dụng và phân theo địa phương
16. Hộ nông nghiệp phân theo qui mô đất trồng cây lâu năm hộ có sử dụng và phân theo địa phương
17. Cơ cấu hộ nông nghiệp phân theo qui mô đất trồng cây lâu năm hộ có sử dụng và phân theo địa phương
18. Diện tích đất nông nghiệp hộ có sử dụng bình quân 1 hộ nông nghiệp phân theo địa phương
19. Đất nông nghiệp hộ có sử dụng bình quân 1 lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động của hộ nông nghiệp phân theo địa phương
20. Diện tích đất hộ nông nghiệp đi mượn, đi thuê phân theo địa phương

20. Diện tích đất hộ nông nghiệp đi mượn, đi thuê phân theo địa phương
21. Diện tích đất hộ nông nghiệp đi thuê, đi mượn bình quân 1 hộ nông nghiệp phân theo địa phương
22. Số hộ nông nghiệp có chăn nuôi
23. Tỷ lệ hộ có chăn nuôi so với tổng số hộ nông nghiệp
24. Số lượng máy móc thiết bị chủ yếu của hộ nông nghiệp phân theo địa phương
25. Số lượng máy móc thiết bị chủ yếu bình quân 100 hộ nông nghiệp phân theo địa phương

III.2.11. Hộ lâm nghiệp

02. Thông tin từ hộ

11. Hộ lâm nghiệp

01. Số lượng hộ lâm nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất lâm nghiệp của hộ

01. Số lượng hộ lâm nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất lâm nghiệp của hộ
02. Cơ cấu hộ lâm nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất lâm nghiệp của hộ
03. Hộ lâm nghiệp phân theo qui mô đất sản xuất lâm nghiệp hộ có sử dụng và phân theo địa phương
04. Cơ cấu hộ lâm nghiệp phân theo qui mô đất sản xuất lâm nghiệp hộ có sử dụng và phân theo địa phương
05. Hộ lâm nghiệp phân theo qui mô đất rừng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn rừng của hộ và phân theo địa phương
06. Cơ cấu hộ lâm nghiệp phân theo qui mô đất rừng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn rừng của hộ và phân theo địa phương
07. Diện tích đất lâm nghiệp hộ có sử dụng bình quân 1 hộ lâm nghiệp phân theo dân tộc và địa phương
08. Đất lâm nghiệp hộ có sử dụng bình quân 1 lao động lâm nghiệp trong độ tuổi lao động của hộ lâm nghiệp phân theo địa phương

III.2.12. Hộ thủy sản

02. Thông tin từ hộ

12. Hộ thủy sản

01. Số lượng hộ thuỷ sản phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất nuôi trồng thuỷ sản của hộ

01. Số lượng hộ thuỷ sản phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất nuôi trồng thuỷ sản của hộ
02. Cơ cấu hộ thuỷ sản phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất nuôi trồng thuỷ sản của hộ
03. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động của hộ thuỷ sản
04. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động và số người trên tuổi lao động thực tế có tham gia lao động của hộ thuỷ sản phân theo giới tính và địa phương
05. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ thuỷ sản phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và địa phương
06. Cơ cấu những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ thuỷ sản phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và địa phương
07. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ thủy sản phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016) và phân theo địa phương
08. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ thuỷ sản phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua và phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật
09. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ thủy sản thực tế có hoạt động trong 12 tháng qua phân theo hình thức làm việc và địa phương
10. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ thủy sản có tham gia hoạt động thủy sản phân theo mức độ tham gia và địa phương
11. Lao động bình quân tàu khai thác thủy sản có động cơ của hộ thủy sản phân theo nghề khai thác chính và địa phương
12. Hộ thuỷ sản phân theo qui mô đất sản xuất thuỷ sản hộ có sử dụng và phân theo địa phương
13. Cơ cấu hộ thuỷ sản phân theo qui mô đất sản xuất thuỷ sản hộ có sử dụng và phân theo địa phương
14. Diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản hộ có sử dụng bình quân 1 hộ thuỷ sản phân theo địa phương
15. Đất thuỷ sản hộ có sử dụng bình quân 1 lao động thuỷ sản trong độ tuổi lao động của hộ thuỷ sản phân theo địa phương
16. Số lượng máy móc thiết bị chủ yếu của hộ thuỷ sản phân theo địa phương
17. Tàu, thuyền, xuồng đánh bắt thủy sản có động cơ của hộ thủy sản phân theo phạm vi khai thác và địa phương
18. Số tàu, thuyền, xuồng đánh bắt thủy sản biển có động cơ của hộ thủy sản phân theo nhóm công suất, nghề khai thác chủ yếu và địa phương

III.2.13. Hộ diêm nghiệp

02. Thông tin từ hộ

13. Hộ diêm nghiệp

01. Số lượng hộ diêm nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất sản xuất diêm nghiệp của hộ

01. Số lượng hộ diêm nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất sản xuất diêm nghiệp của hộ
02. Cơ cấu hộ diêm nghiệp phân theo hoạt động sản xuất, dân tộc, nguồn thu nhập lớn nhất, qui mô lao động và đất sản xuất diêm nghiệp của hộ
03. Một số chỉ tiêu chủ yếu về lao động của hộ diêm nghiệp
04. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động và số người trên tuổi lao động thực tế có tham gia lao động của hộ diêm nghiệp phân theo giới tính và địa phương
05. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và địa phương
06. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua và phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật
07. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp thực tế có hoạt động trong 12 tháng qua phân theo hình thức làm việc và địa phương
08. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp có tham gia hoạt động diêm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
09. Cơ cấu những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp có tham gia hoạt động diêm nghiệp phân theo mức độ tham gia và địa phương
10. Hộ diêm nghiệp phân theo qui mô đất sản xuất diêm nghiệp hộ có sử dụng và địa phương
11. Diện tích đất sản xuất muối hộ có sử dụng bình quân 1 hộ diêm nghiệp phân theo địa phương
12. Đất diêm nghiệp hộ có sử dụng bình quân 1 lao động diêm nghiệp trong độ tuổi lao động của hộ diêm nghiệp phân theo địa phương

III.2.14. Lao động của hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

02. Thông tin từ hộ

14. Lao động của hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

01. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016) và địa phương

01. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của hộ diêm nghiệp phân theo hoạt động chính trong 12 tháng qua (tính đến 01/7/2016) và địa phương

III.3. Thông tin từ trang trại

III.3.1. Thông tin chung về trang trại

03. Thông tin từ trang trại

01. Thông tin chung về trang trại

01. Số lượng và tỷ lệ trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình trang trại và địa phương

01. Số lượng và tỷ lệ trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo loại hình trang trại và địa phương
02. Số lượng chủ trang trại phân theo giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn, thành phần chủ trang trại
03. Lao động làm việc thường xuyên của trang trại phân theo địa phương
04. Số lượng và tỷ lệ lao động làm việc thường xuyên của trang trại phân theo trình độ chuyên môn và địa phương
05. Số lượng và tỷ lệ lao động làm việc thường xuyên của trang trại phân theo nhóm tuổi và địa phương
06. Diện tích đất và bình quân diện tích đất trang trại sử dụng (01/07/2016) phân theo địa phương
07. Diện tích đất và bình quân diện tích đất của trang trại (01/07/2016) phân theo địa phương
08. Diện tích đất và bình quân diện tích đất trang trại thuê, mướn, đấu thầu (01/07/2016) phân theo địa phương
09. Kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại trong 12 tháng qua phân theo địa phương
10. Lao động, đất, kết quả sản xuất kinh doanh bình quân 1 trang trại phân theo địa phương
11. Số lượng trang trại có liên kết phân theo hình thức liên kết và địa phương
12. Liên kết giữa trang trại với các đơn vị khác trong sản xuất NLTS phân theo ngành kinh tế và địa phương
13. Số lượng máy móc thiết bị chủ yếu của trang trại phân theo địa phương

III.3.2. Thông tin về trang trại trồng trọt

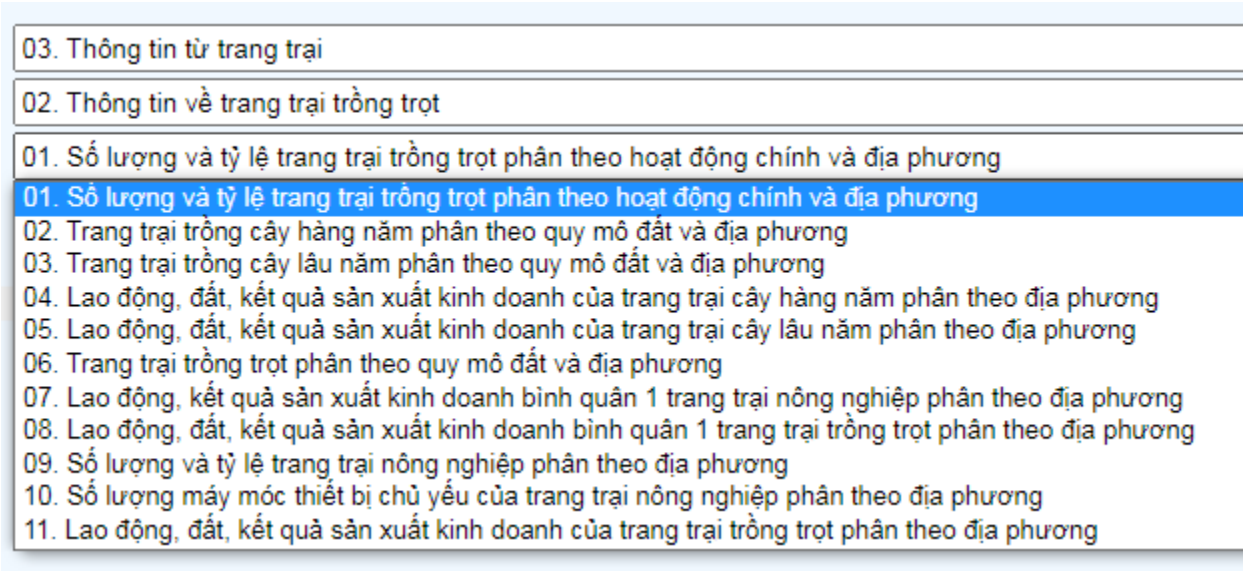

III.3.3. Thông tin về trang trại lâm nghiệp

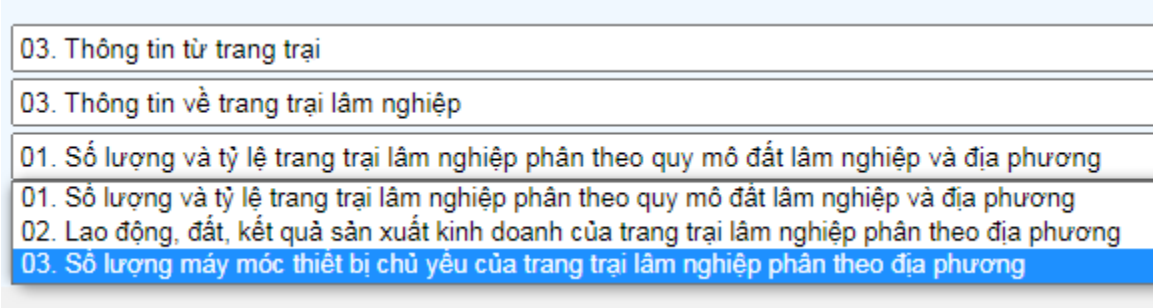

III.3.4. Thông tin về trang trại chăn nuôi

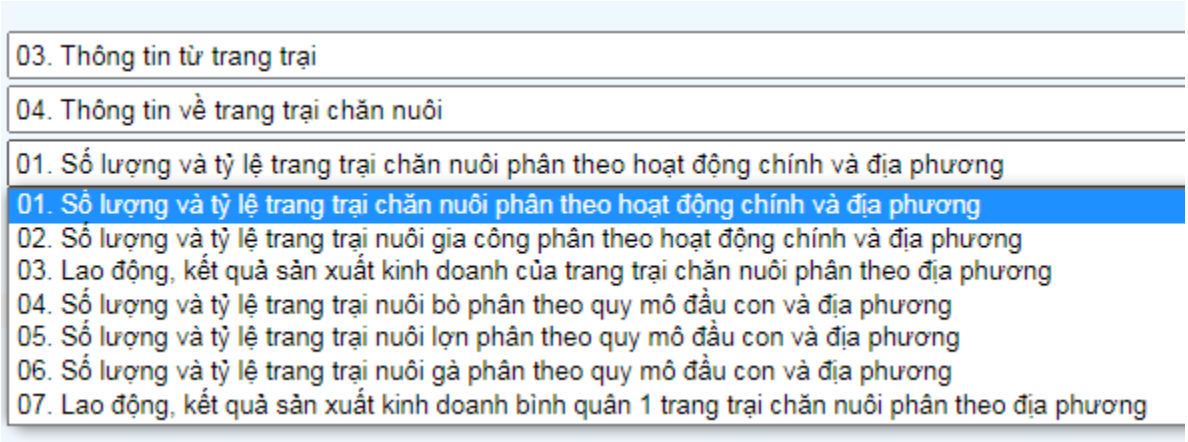

III.3.5. Thông tin về trang trại thủy sản

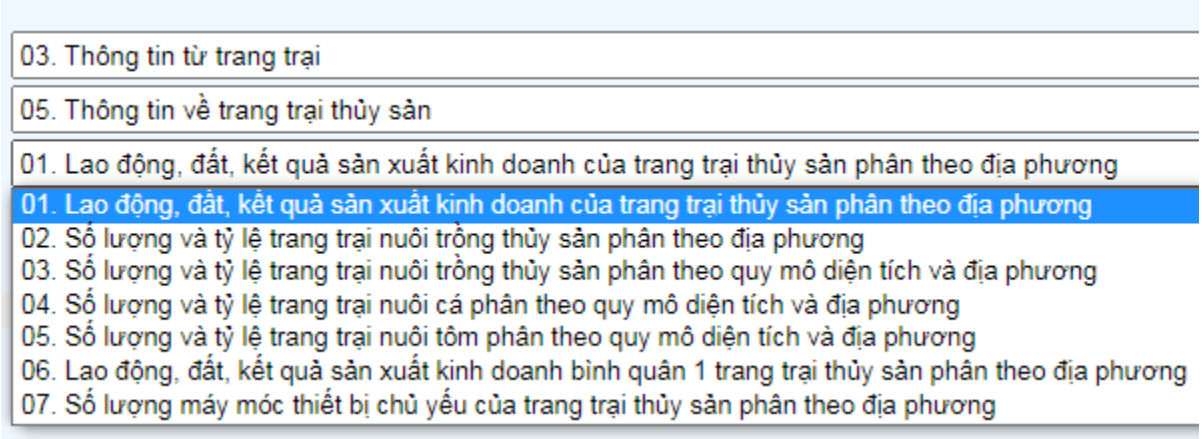

III.4. Thông tin từ doanh nghiệp

III.4.1. Thông tin chung về doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản

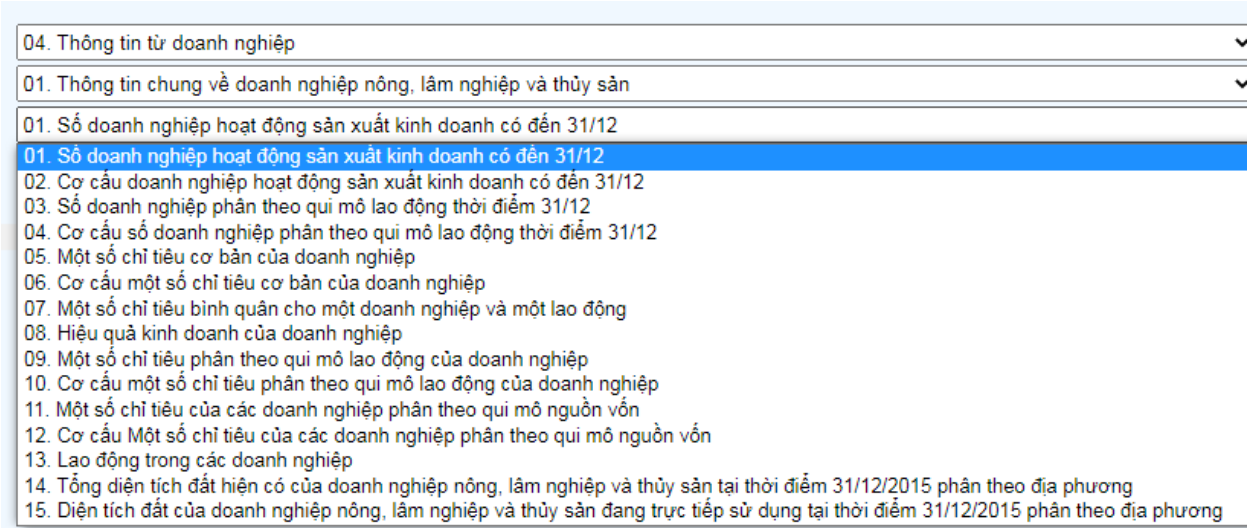

III.4.2. Thông tin chung về doanh nghiệp nông nghiệp

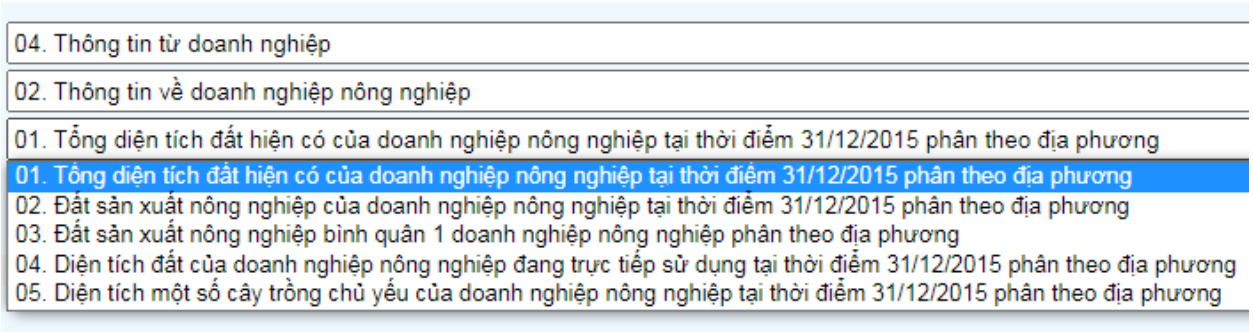

III.4.3. Thông tin chung về doanh nghiệp lâm nghiệp

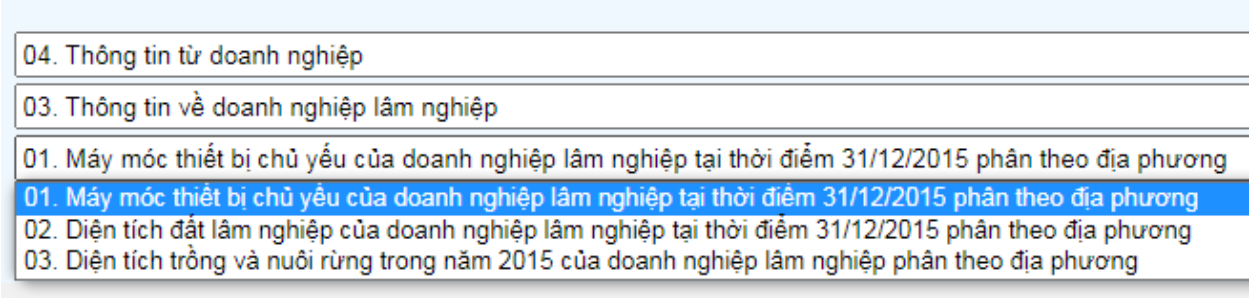

III.4.4. Thông tin chung về doanh nghiệp thủy sản

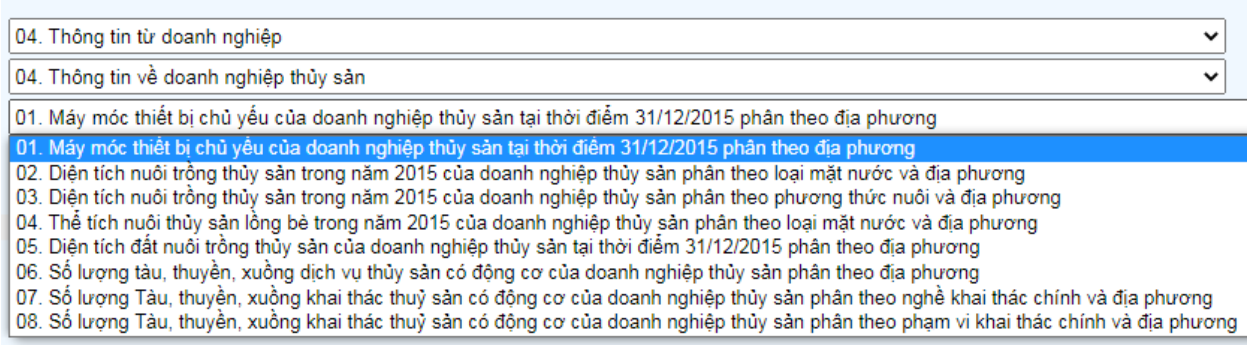

III.5. Thông tin từ HTX

III.5.1. Thông tin chung về HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản

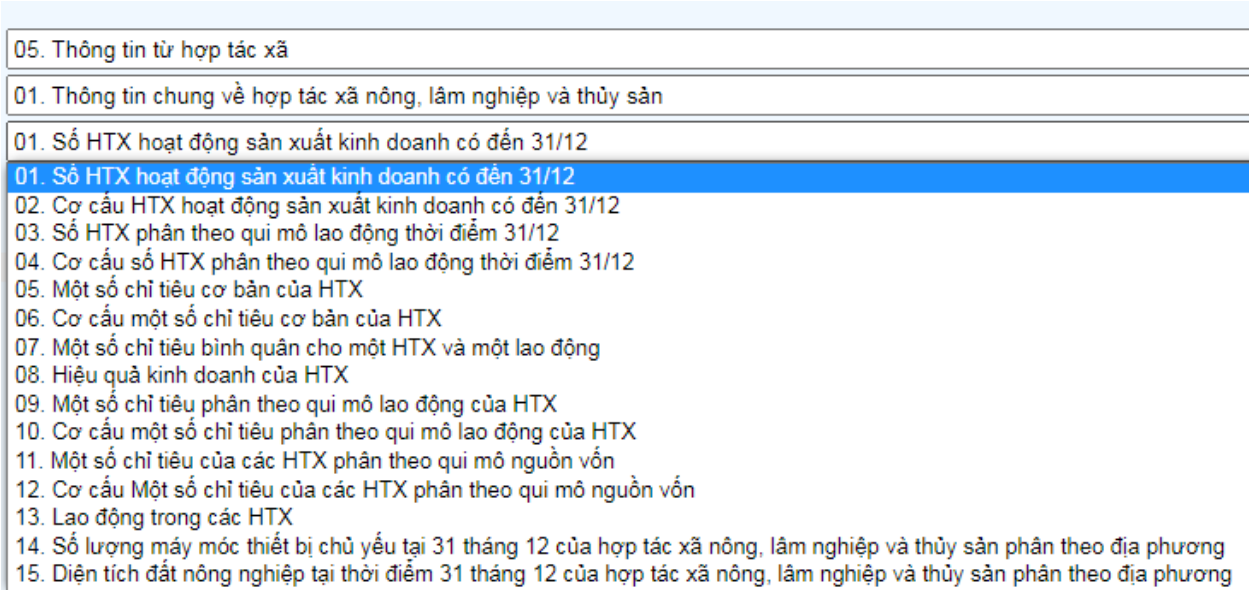

III.5.2. Thông tin về HTX nông nghiệp

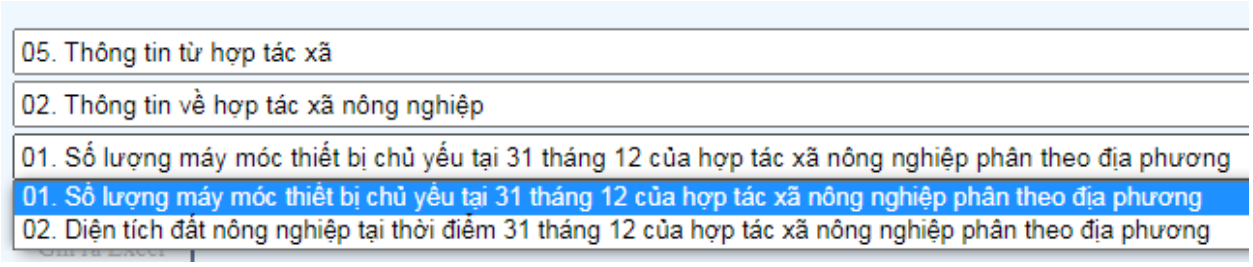

III.5.3. Thông tin về HTX lâm nghiệp

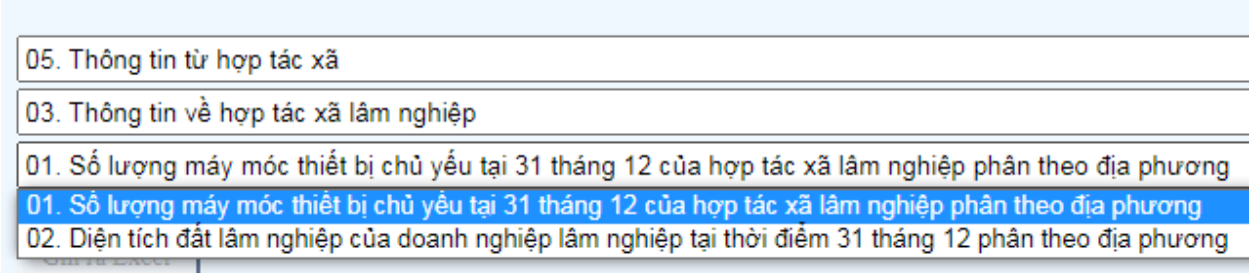

III.5.3. Thông tin về HTX thủy sản